

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2024/DS-ST

Ngày: 30-12-2024

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024, về “tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Cẩm L**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vinh Long. (có mặt)

* *Bị đơn:*

1. Ông **Huỳnh Phước B**, sinh năm 1969 (vắng mặt);
2. Bà **Dư Mỹ Á**, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Ông B, bà Á cùng nơi cư trú: Số B, đường L, Phường A (Phường B), thành phố V, tỉnh Vinh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Cẩm L trình bày:*

Bà L quen biết ông Huỳnh Phước B và bà Dư Mỹ Á thông qua người cùng xóm với bà L (ông B và bà Á là thông gia với người cùng xóm gần nhà bà L). Vào ngày 17/4/2022, ông B và bà Á vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), cụ thể: Khi ông B và bà Á vay tiền của bà L có viết Tờ biên nhận đề ngày 17/4/2022; biên nhận do ông B và bà Á ký tên và ghi họ tên; mục

đích vay: Để giải quyết công việc cá nhân; thời hạn vay: Đến tháng 10/2022 sẽ trả đủ tiền lãi và gốc; lãi suất vay: Biên nhận có trả lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể, thỏa thuận miệng lãi suất là 50.000đồng/1.000.000đồng tiền nợ gốc/tháng (tương đương 5%/tháng); không có thế chấp tài sản hay áp dụng bất kỳ hình thức nào để bảo đảm tiền vay.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận vay, từ ngày 17/4/2022 đến ngày 17/8/2022, ông B và bà Á đã trả bà L 04 tháng tiền lãi với số tiền 10.000.000đồng của số tiền gốc 50.000.000đồng, cụ thể:

- *Trả lãi lần 1 (từ ngày 17/4/2022 đến ngày 17/5/2022)*: Ngày 18/5/2022, ông B và bà Á chuyển khoản trả lãi cho bà L 2.500.000đồng từ ông Huỳnh Phước B; địa chỉ Số B, đường L, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long chuyển đến tài khoản của bà Trần Thị Cẩm L có số tài khoản là: 7302215025958 tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long;

- *Trả lãi lần 2 (từ ngày 18/4/2022 đến ngày 17/6/2022)*: Ngày 13/6/2022, ông B và bà Á chuyển khoản trả lãi cho bà L 2.500.000đồng của Phạm Hoàng L1 có số tài khoản là 5591215012390 mở tại Ngân hàng N, Chi nhánh thành phố D - S chuyển đến tài khoản của bà Trần Thị Cẩm L có số tài khoản là: 7302215025958 tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long;

- *Trả lãi lần 3 (từ ngày 18/6/2022 đến ngày 17/7/2022)*: Ngày 11/7/2022, ông B và bà Á chuyển khoản trả lãi cho bà L 2.500.000đồng nội dung: 595195-ct chuyển đến tài khoản của bà Trần Thị Cẩm L có số tài khoản là: 7302215025958 tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long;

- *Trả lãi lần 4 (từ ngày 18/7/2022 đến ngày 17/8/2022)*: Vào tháng 8/2022, bà L không nhớ ngày, ông B và bà Á có trực tiếp trả lãi cho bà L số tiền 2.500.000đồng.

Ngày 24/9/2022, ông B và bà Á đã trực tiếp trả bà L số tiền gốc 20.000.000đồng. Từ ngày 25/9/2022, ông B và bà Á còn nợ tiền nợ gốc là 30.000.000đồng, chưa trả nợ lãi.

Bà L yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Huỳnh Phước B và bà Dư Mỹ Á trả bà L tổng cộng tiền gốc và tiền lãi 36.600.000 đồng (trong đó tiền gốc 30.000.000đồng và tiền lãi 6.600.000đồng lãi phát sinh từ tháng 10/2022 đến tháng 7/2024 (22 tháng) theo lãi suất do Ngân hàng N1 quy định 300.000đồng/tháng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Tờ biên nhận ngày 17/4/2022 (bản chính, viết tay); căn cước công dân bà Trần Thị Cẩm L; bản photo: Sổ hộ khẩu hộ Huỳnh Phước B, căn cước công dân Huỳnh Phước B và Dư Mỹ Á; sổ phụ ngày 10/9/2024 ông Huỳnh Phước B chuyển khoản đến người nhận bà Trần Thị Cẩm L được giao dịch đến Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M - tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* *Đối với bị đơn ông Huỳnh Phước B, bà Dư Mỹ Á*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông

báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L.

Tại phiên tòa,

* Bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tự nguyện điều chỉnh lãi suất thỏa thuận 5% xuống 1,66%/tháng tính từ ngày 17/4/2022 đến ngày 24/9/2022 của số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng, bà L xác định thời gian ông B và bà Á đã trả lãi xong là 5 tháng 7 ngày. Mỗi tháng tiền lãi là 830.000.00đồng x 5 tháng 7 ngày = 4.343.000đồng, sau khi cần trừ còn thừa lại 5.656.000đồng, tiếp tục cần trừ vào nợ gốc 30.000.000đồng. Do đó, tính đến ngày 24/9/2022, ông B và bà Á chỉ còn nợ bà L nợ gốc là 24.344.000đồng.

Bà L yêu cầu ông B và bà Á trả nợ gốc là 24.344.000đồng và yêu cầu trả lãi là 1,66%/tháng tính lãi từ ngày 25/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/12/2024). Tổng tiền gốc và tiền lãi bà L yêu cầu ông B và bà Á trả là 35.322.000đồng (trong đó nợ gốc là 24.344.000đồng, nợ lãi vay là 10.978.000đồng).

Ông B, bà Á vắng mặt tại phiên tòa.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

**** Quan điểm Kiểm sát viên:***

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Buộc ông Huỳnh Phước B, bà Dư Mỹ Á liên đới trả bà L tổng số tiền là 35.322.000đồng (trong đó, số tiền nợ gốc là 24.344.000đồng, tiền nợ lãi 10.978.000đồng. Buộc ông Huỳnh Phước B, bà Dư Mỹ Á liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà L yêu cầu ông B, bà Á trả nợ gốc là 24.344.000đồng và tiền lãi, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành

phố Vĩnh Long. Ông B, bà Á vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông B, bà Á. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm L.

[2.1] Về tiền gốc: Bà L yêu cầu ông B, bà Á trả 24.344.000đồng, chứng cứ để bà L xác định yêu cầu là tờ biên nhận ngày 17/4/2022 của ông B, bà Á (bản chính, viết tay) thể hiện số tiền vay là 50.000.000đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn trình bày các bị đơn có trả nợ gốc 20.000.000đồng và cần trừ lãi còn thừa 5.656.000đồng; quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không phản đối tình tiết, sự kiện tài liệu do nguyên đơn đưa ra theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179, 186, 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản ý kiến gì phản đối. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết ông B, bà Á nợ bà L là sự thật. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp nên việc bà L yêu cầu ông B, bà Á trả nợ gốc sau khi cần trừ lãi vượt là 24.344.000đồng có lợi cho bị đơn về số tiền vốn gốc đã trả là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về tiền lãi:

[2.2.1] Về tiền lãi trong hạn:

Tại tờ biên nhận ngày 17/4/2022, thể hiện vay tiền có thỏa thuận thời hạn trả nợ và trả lãi nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất; nguyên đơn trình bày có thỏa thuận bằng miệng mức lãi suất 5%/tháng là vượt so với mức lãi suất quy định. Tuy nhiên, bà L có nộp chứng cứ sở phụ ông B chuyển tiền đến bà L để chứng minh có thỏa thuận lãi suất 5% và tự nguyện điều chỉnh lãi suất 1,66%/tháng đối với khoản vay này, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, nguyên đơn trình bày và nộp chứng cứ bị đơn có trả lãi là có lợi cho bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận, tiền lãi được tính từ ngày 17/4/2022 đến 24/9/2022, như sau: $(50.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng } 07 \text{ ngày}) = 4.343.000\text{đồng}$. Ông B, bà Á đã trả lãi rồi 10.000.000đồng cần trừ lãi 4.343.000đồng, còn thừa 5.656.000đồng trả vào nợ gốc.

[2.2.2] Về tiền lãi quá hạn:

Bà L yêu cầu ông B, bà Á liên đới trả lãi trên dư nợ gốc 24.344.000đồng kể từ ngày 25/9/2022 đến ngày xét xử (ngày 30/12/2024) với lãi suất là 1,66%/tháng. **Hội đồng xét xử nhận thấy**, tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu trả nợ gốc là 30.000.000đồng và số tiền lãi yêu cầu 300.000đồng/tháng tính từ ngày 25/9/2022 đến xét xử. Tại phiên tòa, bà L thay đổi yêu cầu trả số tiền nợ gốc sau khi cần trừ là 24.344.000đồng và yêu cầu trả lãi với lãi suất là 1,66%/tháng là vượt quá so với đơn khởi kiện nhưng không vượt so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có

căn cứ chấp nhận, tiền lãi được tính từ ngày 25/9/2022 đến 30/12/2024, như sau:
(24.344.000đồng x 1,66%/tháng x 27 tháng 05 ngày) = 10.978.000đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Phước B và bà Dư Mỹ Á phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm L được chấp nhận (với mức thu 05% của giá trị tranh chấp) là 1.766.000đồng.

Bà Trần Thị Cẩm L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tạm ứng án phí cho bà L.

Xét, ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 2, 5, 6, 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm L.

Buộc ông Huỳnh Phước B và bà Dư Mỹ Á liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Cẩm L số tiền là 35.322.000đồng (trong đó, nợ gốc 24.344.000đồng; tiền lãi 10.978.000đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Huỳnh Phước B và bà Dư Mỹ Á liên đới phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.766.000đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2.2. Bà Trần Thị Cẩm L được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 915.000đồng (chín trăm mười lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số N⁰ 0007104 ngày 23/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim Yến